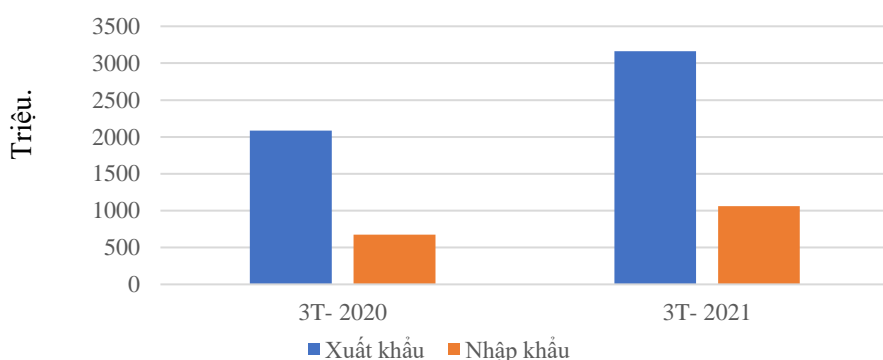


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

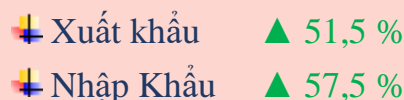
Thị trường HOA KỲ



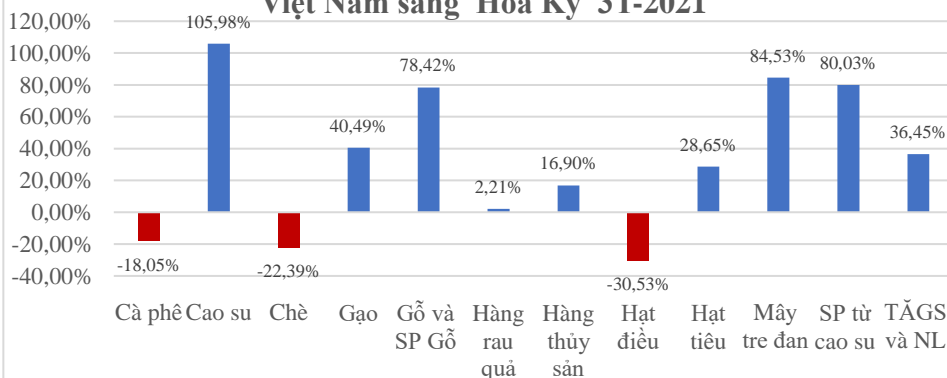
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



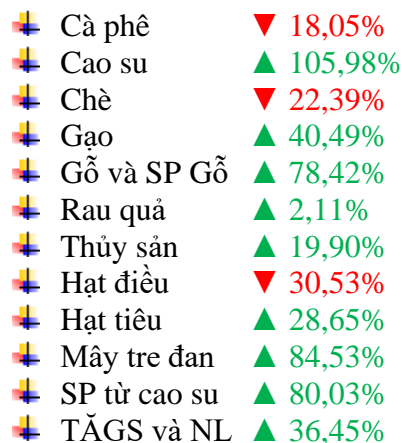
So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ
(3 tháng đầu 2021)



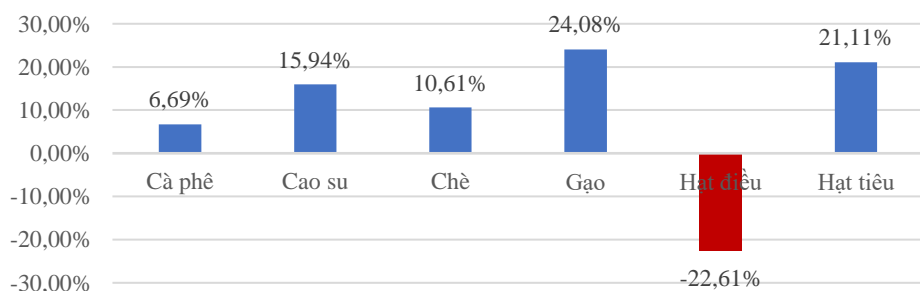
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính
Việt Nam sang Hoa Kỳ 3T-2021



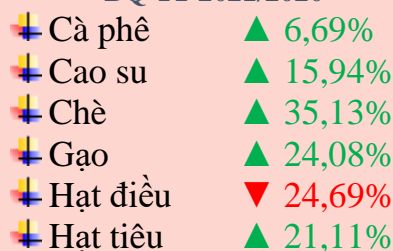
So sánh 3T- 2021/2020



Biến động giá xuất khẩu BQ T3/2021 - 2020



So sánh giá xuất khẩu
BQ T1-2021/2020



TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo tổng cục Hải quan, Ước tính tháng 4/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 25,5 tỷ USD, giảm 14% so với tháng trước và tăng 44,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 103,9 tỷ USD, tăng 28,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhóm hàng nông, lâm sản đạt 7,33 tỷ USD, tăng 8,8%. Nhóm hàng thủy sản đạt 2,39 tỷ USD, tăng 6,1%. Tháng 4/2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 30,3 tỷ USD, tăng 50,1% so với cùng kỳ năm trước; tiếp đến là Trung Quốc đạt 16,8 tỷ USD, tăng 32,4%; thị trường EU đạt 12,6 tỷ USD, tăng 18,1%; thị trường ASEAN đạt 8,8 tỷ USD, tăng 13,3%; Hàn Quốc đạt 6,9 tỷ USD, tăng 12,1%; Nhật Bản đạt 6,5 tỷ USD, tăng 1,5%.

Trong tháng 3/2021, xuất khẩu NLTS Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ có những biến chuyển tích cực so với tháng trước đó. Giá trị xuất khẩu tất cả các mặt hàng nông sản sang thị trường này đều tăng trưởng mạnh mẽ. Thức ăn gia súc và nguyên liệu là mặt hàng tăng mạnh nhất so với tháng 2/2021 tăng 122,17%; thấp nhất là mặt hàng chè tăng 14,41%. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước bên cạnh một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu tăng cao như cao su tăng 147,99%; sản phẩm mây tra đan tăng 129,90%; gỗ và sản phẩm từ gỗ tăng 93,37%... một số mặt hàng nông sản có giá trị xuất khẩu giảm có thể kể đến như chè giảm 22,63%; Hạt điều giảm 40,23%... (chi tiết tại phụ lục).

Trong tháng 4/2021, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đang lấy ý kiến về nỗ lực của toàn Bộ nhằm cải thiện và hình dung lại các chuỗi cung ứng cho sản xuất, chế biến và phân phối nông sản và thực phẩm. Các sản phẩm. Các ý kiến sẽ giúp USDA đánh giá các yếu tố quan trọng, rủi ro và chiến lược cần thiết để hỗ trợ các chuỗi cung ứng linh hoạt, đa dạng và an toàn cũng như đảm bảo sự thịnh vượng kinh tế Hoa Kỳ, an ninh quốc gia và an ninh dinh dưỡng cho tất cả người Mỹ. Việc xác định các điểm nghẽn và lỗ hổng trong chuỗi cung ứng của hệ thống thực phẩm cũng có thể cung cấp những hiểu biết có giá trị về bối cảnh thị trường cạnh tranh và công bằng, tác động đối với các nhà sản xuất và chế biến địa phương và khu vực, cũng như khả năng tiếp cận công bằng với thực phẩm và cơ hội kinh tế giữa các cộng đồng đa dạng.

Báo cáo Cam kết thương nhân mới nhất từ thị trường cà phê arabica New York cho thấy lĩnh vực quỹ Managed Money có thời hạn ngắn hơn của thị trường này đã tăng vị thế mua ròng của họ trên thị trường này lên 94,67% trong tuần giao dịch tính

đến Thứ Ba ngày 27 tháng 4; để đăng ký một vị thế mua ròng mới là 35,603 lô. Trong cùng tuần, nhóm Đầu cơ Phi Thương mại của thị trường này đã nâng vị thế mua ròng trên thị trường lên 89,29% để đăng ký vị thế mua ròng mới 33.565 lô, tương đương 9.515.529 bao. Tồn kho cà phê Arabica được sàn New York chứng nhận và theo dõi cấp phát tính đến thứ 6 ngày 30/4 là 1.936.685, trong đó 95,21% trong số đó được giữ ở châu Âu với tổng số 1.843.802 bao và còn lại 4,79% được giữ ở Mỹ với tổng số 92.883 bao.

Việc xuất khẩu cà phê sang Mỹ vẫn gặp nhiều khó khăn do cước vận chuyển từ Châu Á sang Mỹ vẫn không ngừng tăng lên, chỉ số cước vận chuyển quốc tế hàng ngày của Freightos Baltic đã cho thấy cước vận chuyển giao ngay tuyến từ châu Á đến Bờ Tây nước Mỹ ở mức 4,797 USD/FEU (đơn vị tương đương container 40 foot) và giá cước vận chuyển từ châu Á đến Bờ Đông nước Mỹ ở mức 6,306 USD/FEU. Như vậy, giá của cả hai tuyến này đều gần mức cao nhất mọi thời đại. Theo công ty Xeneta, giá cước vận chuyển của các hợp đồng vận chuyển tuyến châu Á đến bờ Tây nước Mỹ đang được đàm phán trong năm nay ở mức cao hơn năm ngoái khoảng 30% -50%. Trong khi đó, con số của Poskus đưa ra cao gấp đôi Xeneta, mức tăng giá cố định hơn 100% trên tuyến châu Á đến bờ Tây nước Mỹ và khoảng 75% tuyến châu Á đến bờ Đông nước Mỹ. Ngoài ra, hầu hết mọi giá hợp đồng đều phải chịu phụ phí mùa cao điểm (PSS), vì vậy giá cũng không cố định một cách chính xác. Cuộc khủng hoảng công suất trên tuyến vận chuyển châu Á - Bắc Mỹ đang trở nên tồi tệ hơn. Các nhà nhập khẩu ở Mỹ phải đối mặt với sự chậm trễ nghiêm trọng hơn trước khi công suất của các hãng vận tải container đã ở mức tối đa. tháng Năm được dự báo sẽ là tháng tồi tệ nhất. Vì một số chủ hàng sẽ phải xếp hàng chờ đợi để đặt được chỗ do tình trạng tồn đọng hàng hóa ngày càng tăng ở châu Á, điều sắp xảy ra là một số nhà nhập khẩu thậm chí sẽ không thể có chỗ để vận chuyển hàng

Hiện giao dịch gạo trên thị trường nội địa Hoa Kỳ tương đối trầm lắng do nguồn cung hạn chế cũng như người nông dân đang tập trung vào việc bắt đầu trồng vụ mùa mới. Theo USDA, hiện bang Texas đã bắt đầu xuống giống tuy nhiên tiến độ chậm hơn so với năm ngoái khi hiện mới chỉ gieo trồng được khoảng 70% diện tích, thấp hơn so với mức 90% của cùng kỳ năm ngoái. Ước tính việc gieo trồng có thể hoàn thành trong vòng 2 tuần nữa nếu không có sự bất lợi bất thường nào về thời tiết diễn ra. Tình trạng gieo trồng với tiến độ chậm cũng diễn ra tương tự ở khu vực đồng bằng Mississippi (gồm Louisiana và Arkansas), tuy nhiên dự kiến việc gieo trồng sẽ sớm được đẩy mạnh trở lại cho đến tháng 5/2021

Theo cơ quan quản lý Khí tượng và thủy văn Hoa Kỳ (NOAA). Trong tháng 3/2021, Mỹ đã nhập khẩu 62.868 tấn tôm, trị giá 525,6 triệu USD, tăng 22% về lượng và 19% về giá trị so với tháng 3/2020, tháng đầu tiên mà đại dịch tấn công ở Mỹ vào năm ngoái. Giá trung bình nhập khẩu đã giảm xuống còn 8,36 USD/kg, giảm 2% so với mức 8,51 USD/kg vào tháng 3/2020 và 8,52 USD/kg vào tháng 2/2021.

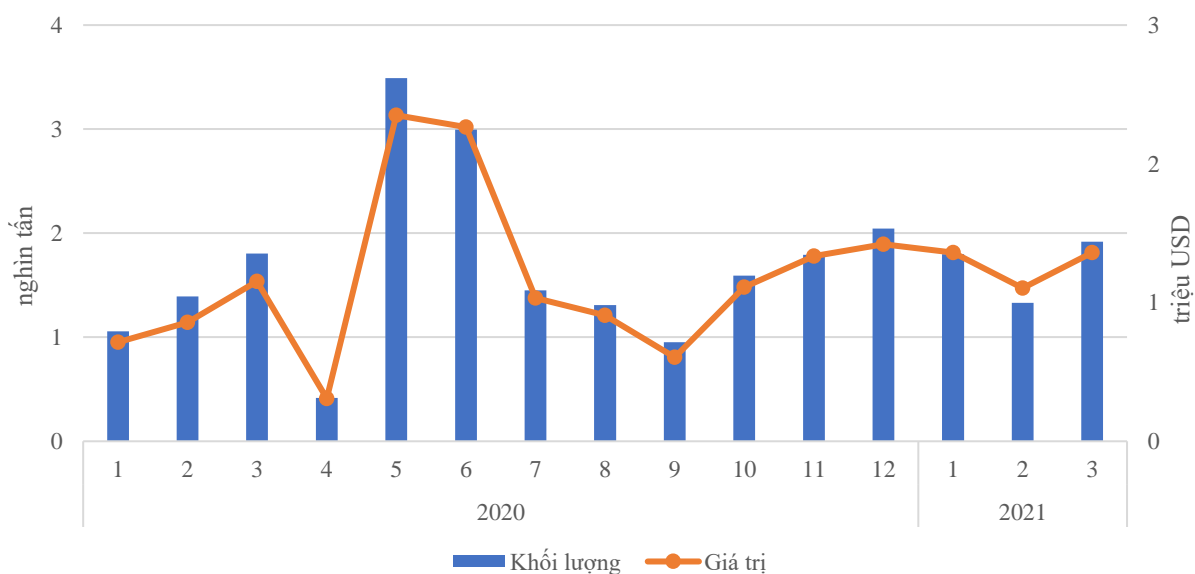
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 4/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2021 tiếp tục được dự báo sẽ đạt khoảng 7,23 triệu tấn, tăng khoảng 1,35 triệu tấn so với năm 2020. Nguyên nhân chính là do diện tích sản xuất năm nay có xu hướng tăng hơn so với năm ngoái. Mức nhập khẩu gạo năm 2021 của Hoa Kỳ dự báo đạt 1,2 nghìn tấn, giảm khoảng 0,01 nghìn tấn so với năm 2020.

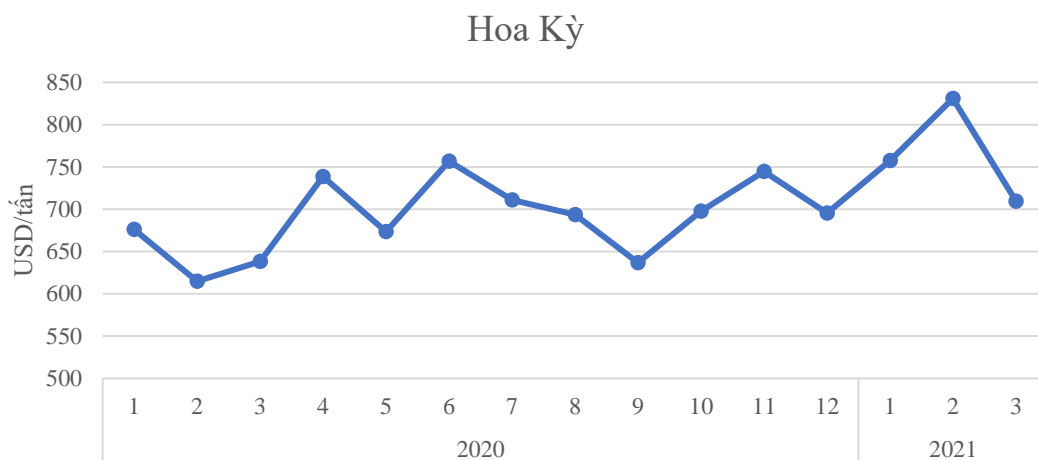
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2021, Việt Nam xuất khẩu được 1,9 nghìn tấn gạo, trị giá 1,4 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 44,3% về khối lượng và 23,2% về giá trị so với tháng trước; và tăng 6,3% về khối lượng và 18,1% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 3 tháng đầu năm 2021 đạt 5,0 nghìn tấn, trị giá 3,8 triệu USD, tăng 18,5% về khối lượng và 40,5% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

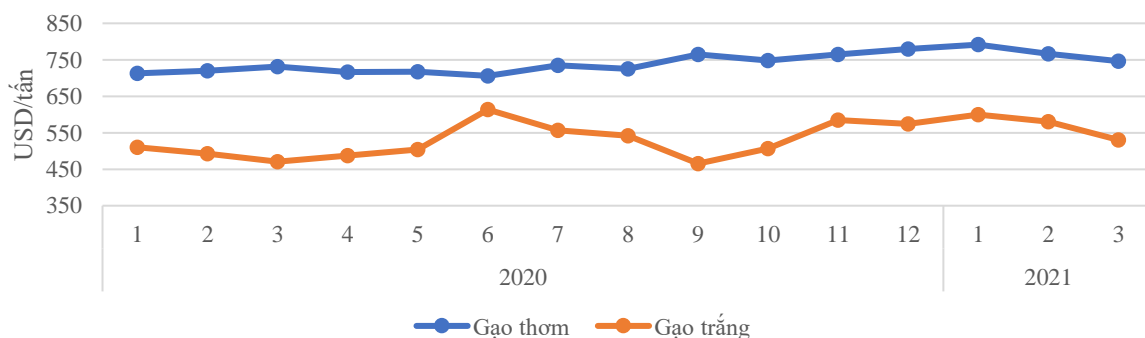
Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 3/2021 đạt 709,4 USD/tấn, giảm 14,6% so với tháng trước nhưng tăng 11,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 3/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,3 nghìn tấn, trị giá 1,0 triệu USD (chiếm 68,6% về khối lượng và 76,1% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 24,5% về khối lượng và 37,1% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo trắng đạt 0,4 nghìn tấn, trị giá 0,2 triệu USD (chiếm 22,6% về khối lượng và 15,4% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo trắng sang Hoa Kỳ đã giảm 29,5% về khối lượng và 27,5% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 3/2021 đạt trung bình 746,1 USD/tấn, giảm 2,6% so với tháng trước nhưng tăng 2,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Còn giá gạo trắng đạt 530,3 USD/tấn, giảm 8,6% so với tháng trước nhưng tăng 12,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3. Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

Trong tháng 3/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung Thành, Công ty CP Soharice, và Công ty CP Phước Đạt. Ba công ty này chiếm lần lượt 24,7%, 22,6% và 16,0% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 3/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung Thành và Công ty CP Phước Đạt không xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 3/2020, nhưng có xuất khẩu trong tháng 3/2021, còn Công ty CP Soharice giảm 11,3%.

2. RAU QUẢ

Ủy ban tảo bang Washington (Hoa Kỳ) cho biết, xuất khẩu tảo của nước này này kể từ đầu niên vụ 2020-2021 tới nay đã giảm đáng kể so với số liệu của những năm gần đây. Tính đến giữa tháng 4/2021, Hoa Kỳ đã xuất khẩu 18,8 triệu hộp tảo loại 40 pound (khoảng 18 kg) trong niên vụ 2020-2021, giảm 20,5% so với cùng kỳ niên vụ trước và giảm 16,4% so với niên vụ 2018-2019.

Trong niên vụ 2018-2019, gần 28% lượng tảo của Hoa Kỳ được xuất khẩu, tuy nhiên dự kiến sẽ giảm xuống dưới 25% trong niên vụ 2020-2021. Đó sẽ là mức xuất khẩu thấp nhất kể từ niên vụ 2003-2004 (khi tỷ lệ tảo xuất khẩu chỉ đạt 21,7%). Việc xuất khẩu tảo và các loại cây trồng khác từ Hoa Kỳ vẫn là một thách thức do hậu quả của đại dịch Covid-19 và các vấn đề thương mại với các nước khác.

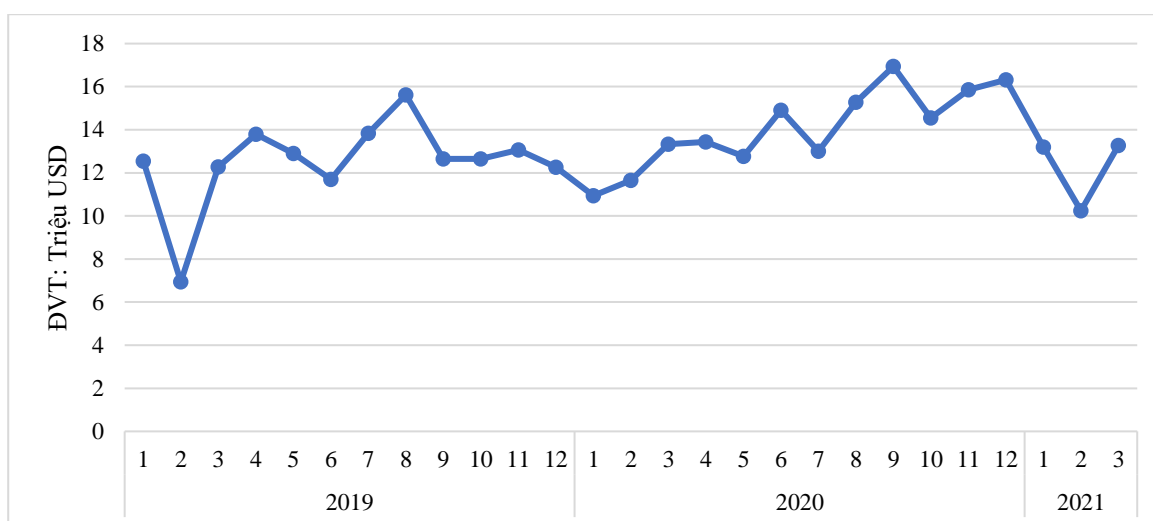
Táo và anh đào của Hoa Kỳ xuất khẩu sang Trung Quốc hiện phải chịu mức thuế 50%. Trong năm 2017, đã có 3,3 triệu hộp anh đào loại 20 pound (khoảng 9 kg) đã được xuất khẩu sang Trung Quốc. Kể từ khi biểu thuế quan mới được thực hiện vào năm 2018, các lô hàng xuất khẩu anh đào đã giảm xuống 2,2 triệu hộp vào năm 2018, 1,9 triệu hộp vào năm 2019 và chỉ còn hơn 1 triệu hộp vào 2020.

Tòa án Công lý Tối cao Mexico (SCJN) đã chấp thuận việc nhập khẩu khoai tây tươi từ Hoa Kỳ, nhất trí từ chối biện pháp bảo hộ được thúc đẩy bởi các nhà sản xuất khoai tây ở bang Sinaloa.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 3 năm 2021 đạt 13,3 triệu USD, chiếm 3,3% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 29,6% so với tháng trước (đạt 10,2 triệu USD) và giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 13,3 triệu USD).

Tính chung ba tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 36,7 triệu USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 35,8 triệu USD).

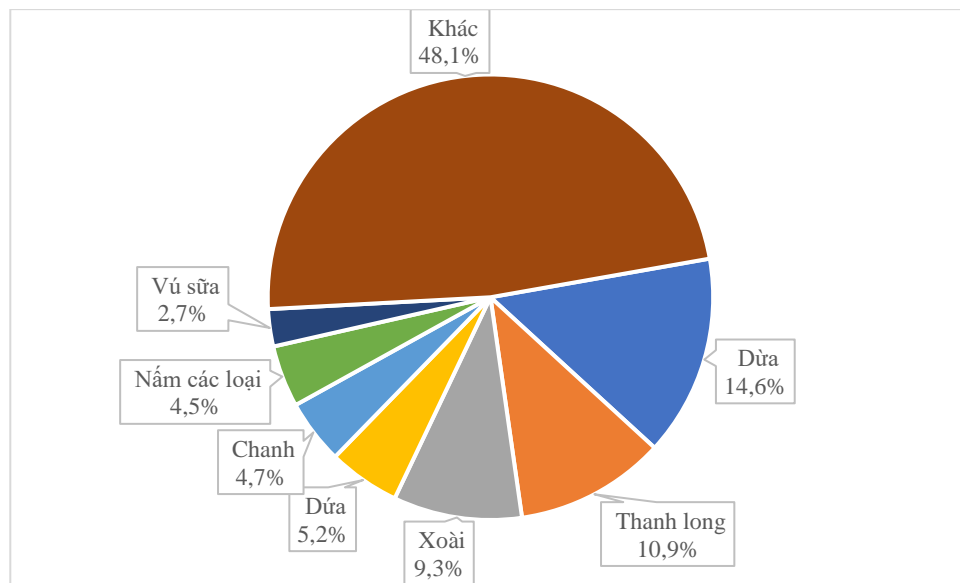
Hình 4. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 3 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 6,2 triệu USD (chiếm 46,4% thị phần, giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 7,1 triệu USD (chiếm 53,6% thị phần, tăng 1,2%), trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 2,8 triệu USD (tăng 112,7% so với cùng kỳ năm trước); (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 2,0 triệu USD (tăng 76,6%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 920 nghìn USD (giảm 138,4%); ...

Trong tháng 3 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm dứa đạt 1,9 triệu USD (chiếm 14,6% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 124,5% so với cùng kỳ năm 2020); thanh long đạt 1,5 triệu USD (chiếm 10,9%, giảm 21,0%); xoài đạt 1,2 triệu USD (chiếm 9,3%, tăng 84,8%); chanh đạt 619,6 nghìn USD (chiếm 4,7%, giảm 22,6%); nấm các loại đạt 596 nghìn USD (chiếm 4,5%, tăng 179,7%);

Hình 5. Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 3/2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 3 năm 2021 đạt 21,1 triệu USD, chiếm 19,7% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 2,7% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 21,7 triệu USD). Tính chung ba tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hoa Kỳ đạt 77,2 triệu USD, giảm 5,9% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 82,1 triệu USD). Trong tháng 3/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là hạt dẻ đạt 6,9 triệu USD (chiếm 32,7%, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2020); táo đạt 5,2 triệu USD (chiếm 24,8%, tăng 87,7%); hạnh nhân đạt 4,1 triệu USD (chiếm 19,3%, tăng 9,9%); óc chó đạt 2,7 triệu USD (chiếm 12,7%, giảm 51,8%); ...

Trong tháng 3/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II, Công ty TNHH Quốc Thảo và Công ty TNHH Thương mại Vian H&T với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 7,6%; 5,4% và 5,2%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II giảm 45,7%, Công ty TNHH Quốc Thảo tăng 91,0% và Công ty TNHH Thương mại Vian H&T tăng 49,7%.

3. CÀ PHÊ

Hoa Kỳ là quốc gia nhập khẩu cà phê xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 của Việt Nam, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang các nước.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 3/2021 tăng mạnh so với tháng 2/2021. Khối lượng xuất khẩu đạt 12,5 nghìn, trị giá 23,89 triệu USD, tăng 23,4% về khối lượng và tăng 22,65% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 3/2020, xuất khẩu tăng 9,25% về khối lượng và tăng 4,8% về giá trị.

Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ

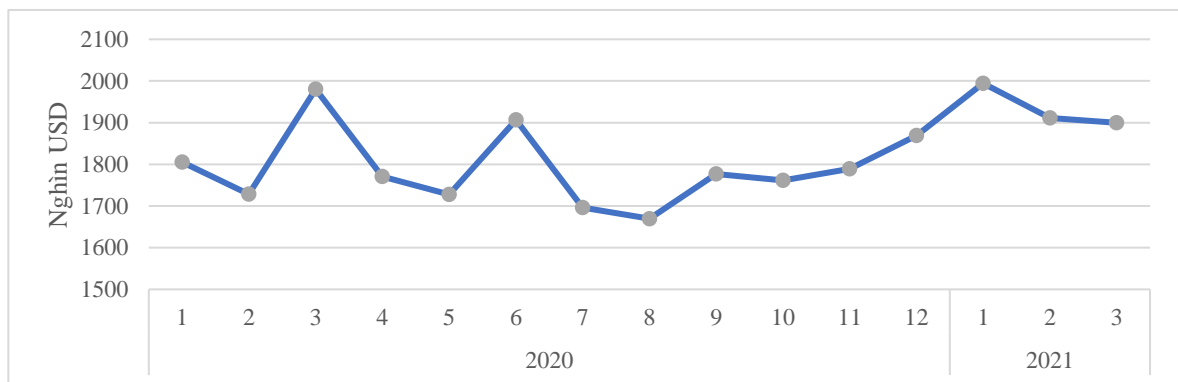


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 3/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt trung bình 1.899 USD/tấn, giảm 0,62% so với tháng 2/2021, đồng thời giảm 4,07% so với cùng kỳ tháng 3/2020.

Dự báo giá cà phê sẽ tăng khi nhu cầu tiêu dùng tại nhà vẫn còn rất lớn và có thể còn kéo dài trong thời gian tới trong khi cà phê Brazil dự báo sản lượng giảm khoảng 30% trong niên vụ 2020/2021.

Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ

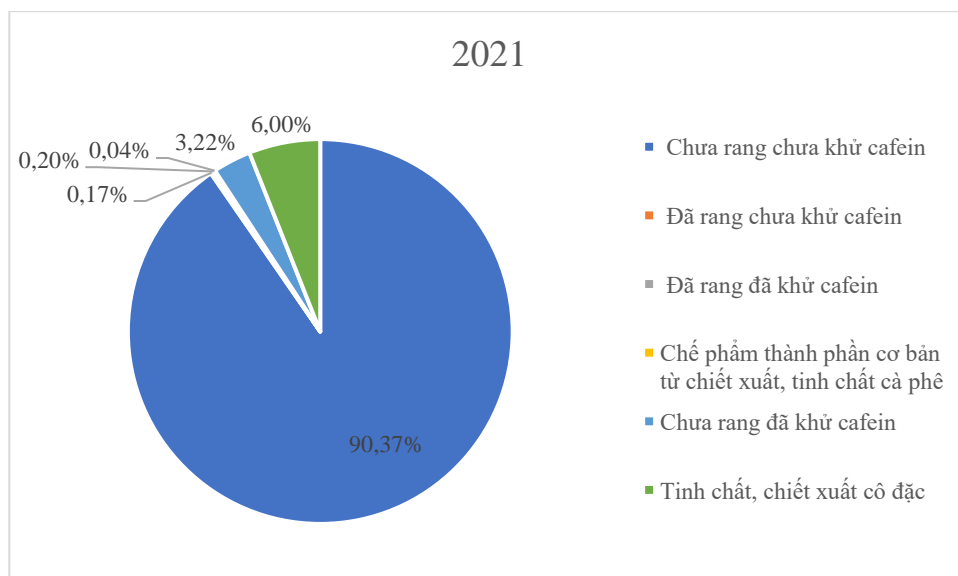


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 91,19%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 8,81%, tỷ trọng cà phê chế biến đã tăng 0,56% so với tháng trước nhưng giảm 1,28% so với cùng kỳ năm 2020. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 3 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein chiếm tỷ trọng 88,77%, giá trị 20 triệu USD, tăng 18,26% so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 319 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 1,34%, giảm 46,67% so với cùng kỳ. Cà phê chưa rang, đã khử caffein chiếm 6,08%, giảm 51% so với cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê chiếm 4,72%, tăng 33,42% so với cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc chiếm 4,09%, giảm 32,88 % so cùng kỳ.

Hình 8. Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 3/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

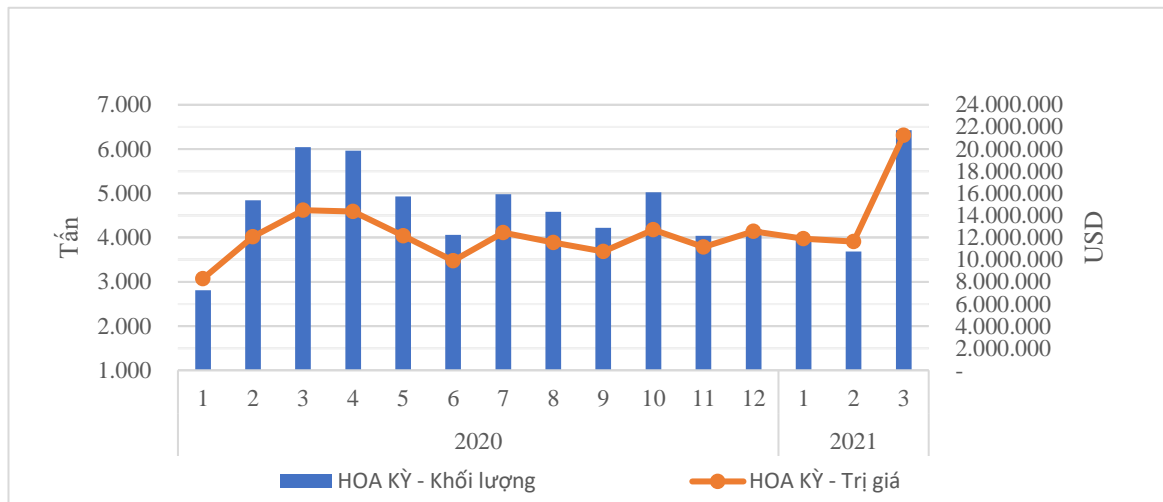
Trong tháng 03/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Cát Quế, Công ty TNHH Olam Việt Nam và Công ty cổ phần Intinmex Mỹ Phước với thị phần lần lượt là: 18,28%; 9,25% và 7,58%.

Cà phê vẫn là một phần quan trọng của người dân Mỹ cho dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Theo khảo sát mới nhất được thực hiện bởi Hiệp hội cà phê quốc gia Hoa Kỳ, cà phê hiện là thức uống phổ biến nhất ở Mỹ, với 60% người Mỹ chọn cà phê mỗi ngày là thức uống cần thiết nhất của họ - thậm chí nhiều hơn cả nước máy. 85% người uống cà phê nói rằng họ uống ít nhất một cốc ở nhà, tăng 8% kể từ tháng 1 năm 2020 - ngay trước khi đại dịch bắt đầu. Sự gia tăng tiêu thụ cà phê ở nhà không khiến đó là nơi duy nhất người dân Mỹ uống nó. Cuộc khảo sát này cho thấy rằng các đơn đặt hàng cà phê dựa trên ứng dụng và lái xe đều đã tăng đáng kể 30% kể từ năm ngoái. Đại dịch COVID-19 đã tạo cơ hội cho người Mỹ gắn bó hơn với thói quen uống cà phê với 40% người trả lời khảo sát cho biết họ đã mua những loại cà phê mà họ chưa từng thử trước đại dịch, một phần ba cho biết họ đã cố gắng tạo lại đơn hàng quán cà phê yêu thích của họ tại nhà. Một phần tư số người được hỏi coi đại dịch như một cơ hội để thưởng thức cà phê pha tại nhà và họ cho biết rằng họ đã đi xa khi đầu tư vào một chiếc máy mới. 35% cho biết họ nhớ quán cà phê yêu thích và đồ uống họ thích gọi ở đó. So với tháng 9 năm ngoái, 17% người tham gia khảo sát cho biết họ đã chính thức quay lại quán cà phê, trong khi 48% cho biết họ sẽ quay lại hoặc dự định quay lại sớm. Cuộc khảo sát cho thấy rằng phần lớn những người được hỏi đã uống hai cốc/ngày.

4. HỒ TIÊU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2021, Việt Nam xuất khẩu được 6.428 tấn hồ tiêu với trị giá 21,25 triệu USD, tăng 74,4% về khối lượng và 82,7% về giá trị so với tháng 2/2021. So với cùng kỳ năm 2020, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này tăng 6,4% về khối lượng và 46,9% về giá trị.

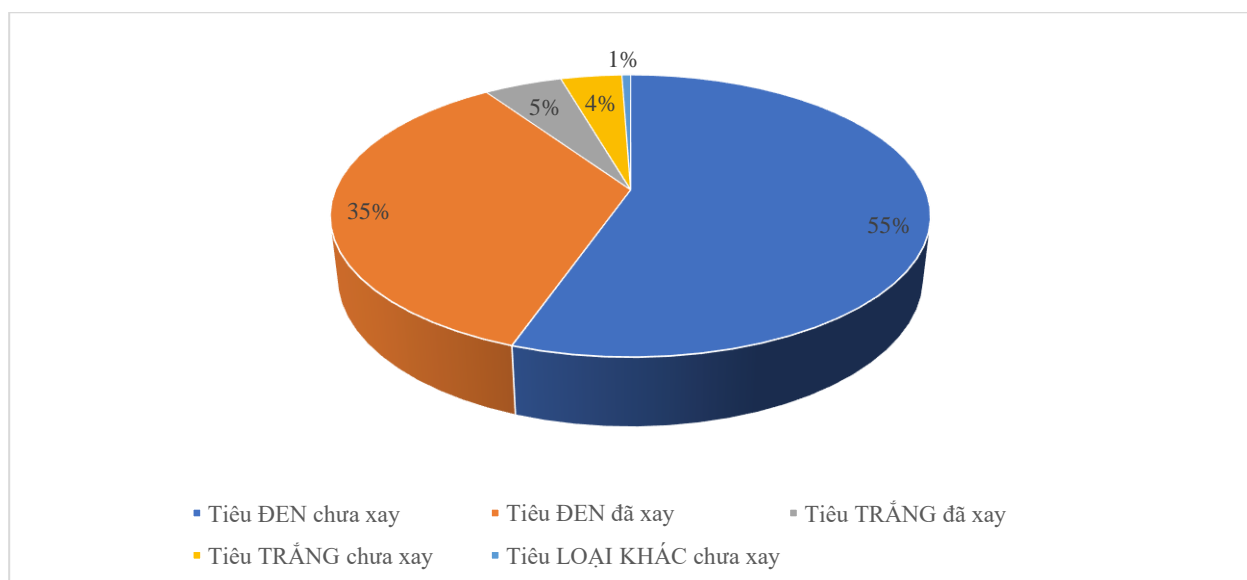
Hình 9. Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 3/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính xuất khẩu sang thị trường này chiếm 55,34% tổng giá trị xuất khẩu, đạt 2,34 triệu USD, giảm 10,9% so với cùng kỳ năm trước; Tiêu trắng đã xay chiếm 5,03%, đạt 0,21 triệu USD, giảm 17,3%; Tiêu đen đã xay, chiếm 35,07%, đạt 1,49 triệu USD, tăng 27,3%; Tiêu trắng chưa xay chiếm 3,39%, đạt 0,17 triệu USD, tăng 1,4%;

Hình 10. Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2/2021

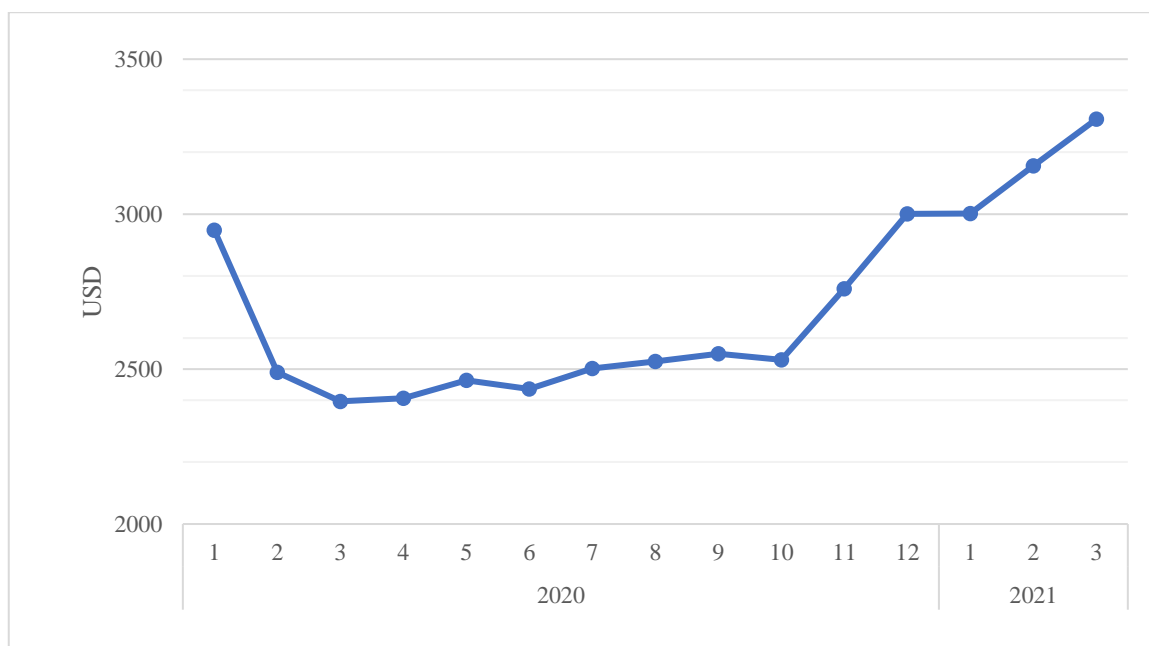


Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 3/2021 vẫn giữ được đà tăng nhẹ so với tháng trước. Cụ thể, giá xuất khẩu tiêu bình quân sang thị

trường này đạt 3.306 USD/tấn, tăng 38% so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 4,8% so với tháng trước.

Hình 11. Giá xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 3/2021



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Trong tháng 3/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Hoa Kỳ là Chi nhánh Long Bình – Công ty TNHH Olam Việt Nam chiếm 20,21% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này; Công ty TNHH hương gia vị Sơn Hà chiếm 15,13; Công ty cổ phần Liên Thành chiếm 11,58%.

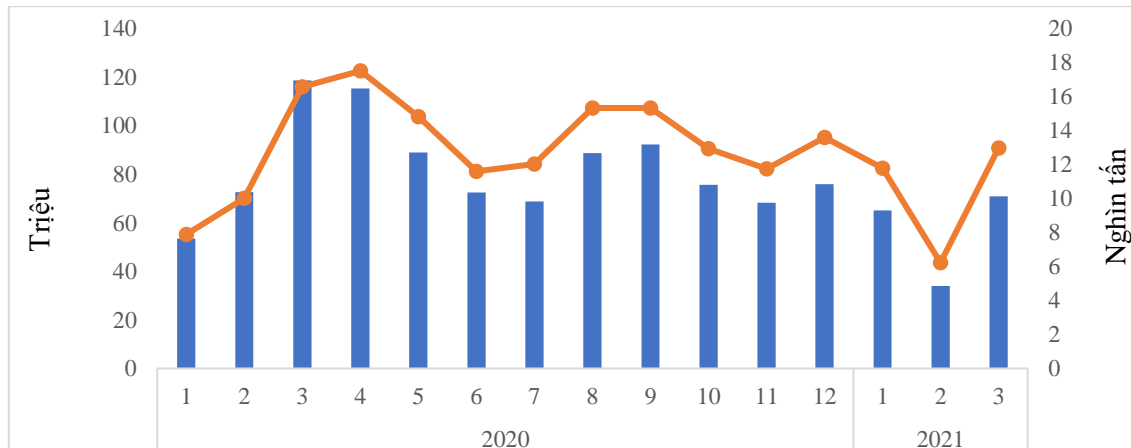
5. HẠT ĐIỀU

Nhập khẩu điều tại thị trường Hoa Kỳ 2 tháng đầu năm có xu hướng tăng nhẹ. Theo hiệp hội điều Việt Nam, 2 tháng đầu năm các quốc gia Hoa Kỳ nhập khẩu 24,85 nghìn tấn điều tăng 2% so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu điều từ Việt Nam vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 22,18 nghìn tấn, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước, Brazil đạt 1,3 nghìn tấn giảm 46%.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 12,99 nghìn tấn, trị giá 70,96 triệu USD, tăng 108,6% về khối lượng và 108,7% về giá trị so với tháng 2/2021. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước, giảm 21,6% về khối lượng và 40,2% về giá trị. Tính hết quý I/2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường

này đạt 170,16 triệu USD, tương ứng với 31,01 ngàn tấn, giảm 30,5% về giá trị và 10,1% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

Hình 12. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ

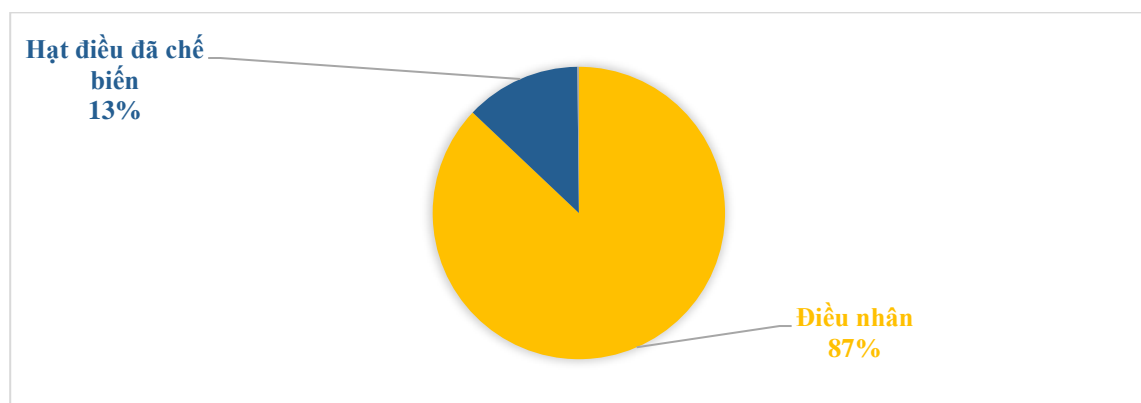


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất của xuất khẩu điều Việt Nam trong tháng 3/2021, chiếm 32,4% tổng khối lượng và 30,5% về tổng giá trị. Sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này bao gồm các sản phẩm như điều nhân, điều đã chế biến. Trong đó, điều nhân vẫn là sản phẩm xuất khẩu chủ yếu, chiếm tới 87,1%, đạt 61,49 triệu USD, hạt điều đã chế biến đạt 9,02 triệu USD, chiếm 12,9%

Tính hết 3 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu điều nhân sang thị trường này chiếm 87%, đạt 147,63 triệu USD, hạt điều đã chế biến đạt 21,84 triệu USD chiếm 12,9%.

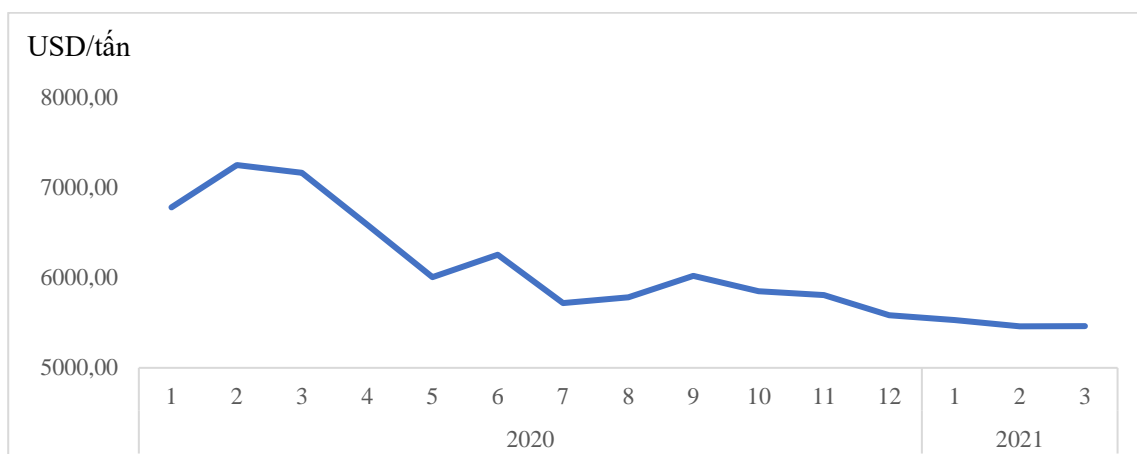
Hình 13. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 3/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải Quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ vẫn tiếp tục có xu hướng giảm trong tháng này. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 3/2021 đạt 5.462,86 USD/tấn, giảm 23,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 14. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 3/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH OLAM Việt Nam chiếm 9,59% tổng giá trị điều xuất khẩu sang thị trường này; Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông sản Minh Loan chiếm 6,34% và Công ty TNHH chế biến thực phẩm OLAM Việt Nam chiếm 5,27%

6. THỦY SẢN

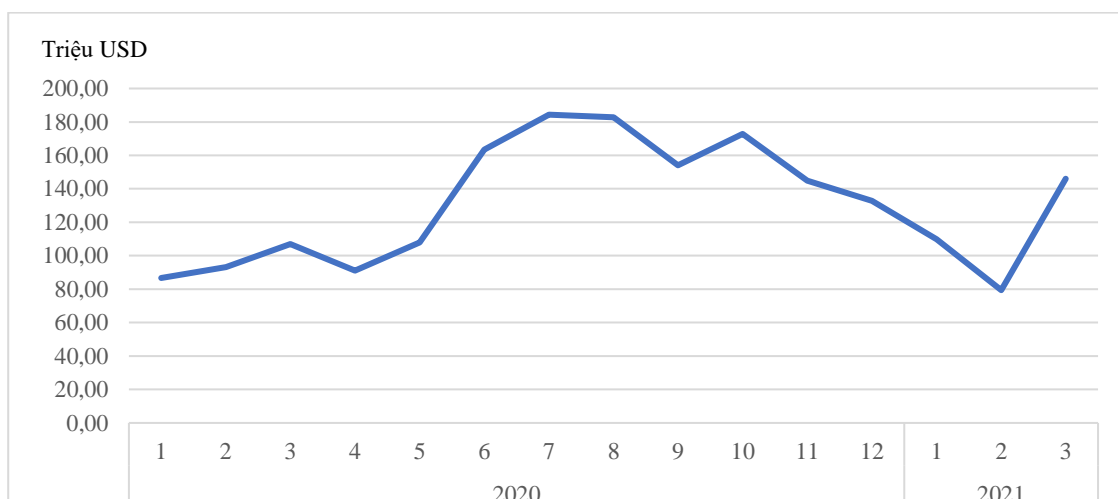
Theo số liệu thống kê của NMFS, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ trong 2 tháng đầu năm 2021 đạt 490,1 nghìn tấn, trị giá 3,6 tỷ USD, tăng 0,7% cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong 2 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu tôm, cá hồi, cua và cá da trơn của Hoa Kỳ tăng, trong khi nhập khẩu cá ngừ, cá tuyết, cá rô phi, ghẹ giảm so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ trong 2 tháng đầu năm 2021 đạt 129,5 nghìn tấn, trị giá 1,2 tỷ USD, tăng 4,8% về lượng và tăng 4,45% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020; nhập khẩu cá hồi đạt 80,4 nghìn tấn, trị giá 783,1 triệu USD, tăng 3,6% về lượng và tăng 0,4% về trị giá; nhập khẩu cua đạt 7,4 nghìn tấn, trị giá 206,7 triệu USD, tăng 6,8% về lượng và tăng 40,9% về trị giá; nhập khẩu cá da trơn đạt 20,6 nghìn tấn, trị giá 53,4 triệu USD, tăng 9,1% về lượng, nhưng giảm 6,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Ngành tôm tự nhiên nội địa của Mỹ yêu cầu chính quyền tổng thống Joe Biden mở rộng hành động thương mại để áp dụng mức thuế 2% đối với gần như toàn bộ tôm nước ấm của Ấn Độ nhập khẩu vào Mỹ

Hoa Kỳ vẫn duy trì là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng 3/2021. Theo tổng cục hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt hơn 146 triệu USD, chiếm 33,3% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam, tăng 36,3% so với cùng kỳ năm 2020, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này quý I/2021 đạt 335,1 triệu USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đang có dấu hiệu khởi sắc trở lại sau 5 tháng giảm liên tiếp. Tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 3/2021, chiếm 20,9%, cá ngừ và cá da trơn đều chiếm 19,9%.

Hình 15. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ



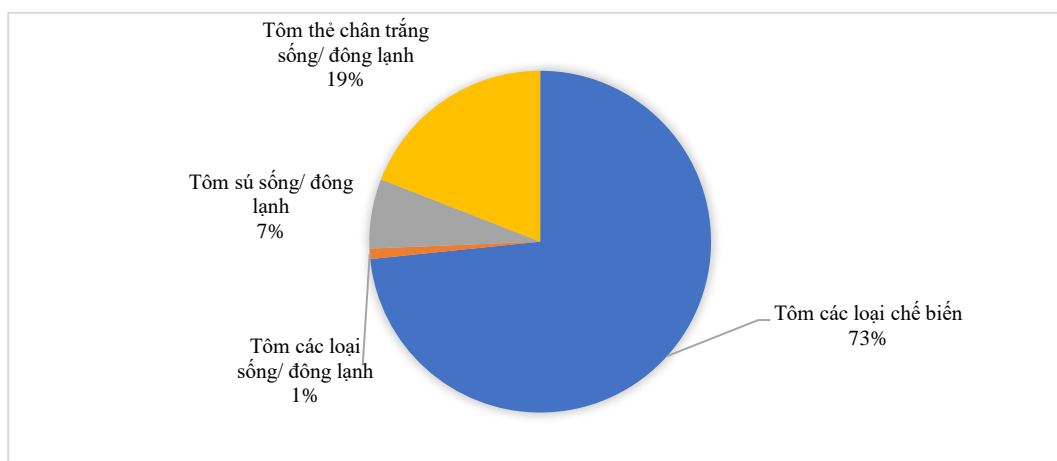
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặt hàng cá da trơn, giá trị xuất khẩu tháng 3 năm 2021 đạt 29 triệu USD, tăng 25,4% so với cùng kỳ năm trước và 82% so với tháng 2/2021, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 74,03 triệu USD, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 3/2021, giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 28,46 triệu USD, chiếm hơn 98,1%, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm 2020; Cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,54 triệu USD, chiếm 1,9%, tăng 70,8%.

Mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tháng 3 năm 2021 đạt 61,47 triệu USD, tăng 47,2% so với cùng kỳ năm trước và tăng 94,1% so với tháng 2/2021, đưa tổng giá trị xuất khẩu tôm quý I/2021 sang thị trường này đạt 136,53 triệu USD, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước

Tính riêng tháng 3 năm 2020, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 11,72 triệu USD, chiếm 19,1% tổng sản lượng tôm xuất khẩu, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước; Tôm chế biến các loại đạt 45 triệu USD, chiếm 73,3%, tăng 60,5%; Tôm sú sống/đông lạnh đạt 4,05 triệu USD, chiếm 6,6%, tăng 42,2%; Tôm các loại khác sống/đông lạnh đạt 0,60 triệu, chiếm 1%, tăng 49%.

Hình 16. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 3/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa kỳ như sau: Cá ngừ đạt 29 triệu USD, tăng 25,4%; Cá rô phi đạt 0,13 triệu USD, giảm 64,4%; Mực và bạch tuộc đạt 1 triệu USD, tăng 47,2%; Cua – ghẹ đạt 3,56 triệu USD, giảm 20%; Các loại thủy sản khác đạt 20,02 triệu USD, tăng 49,5% so với cùng kỳ 2020.

Giá xuất khẩu cá ngừ tháng 3/2021 đạt trung bình 9,18 USD/kg, giảm 10,7% so với cùng kỳ năm 2020; Tôm đạt 9,99 USD/kg, giảm 10,6%; Cua, ghẹ đạt 17,66 USD/kg, giảm 28,4%.

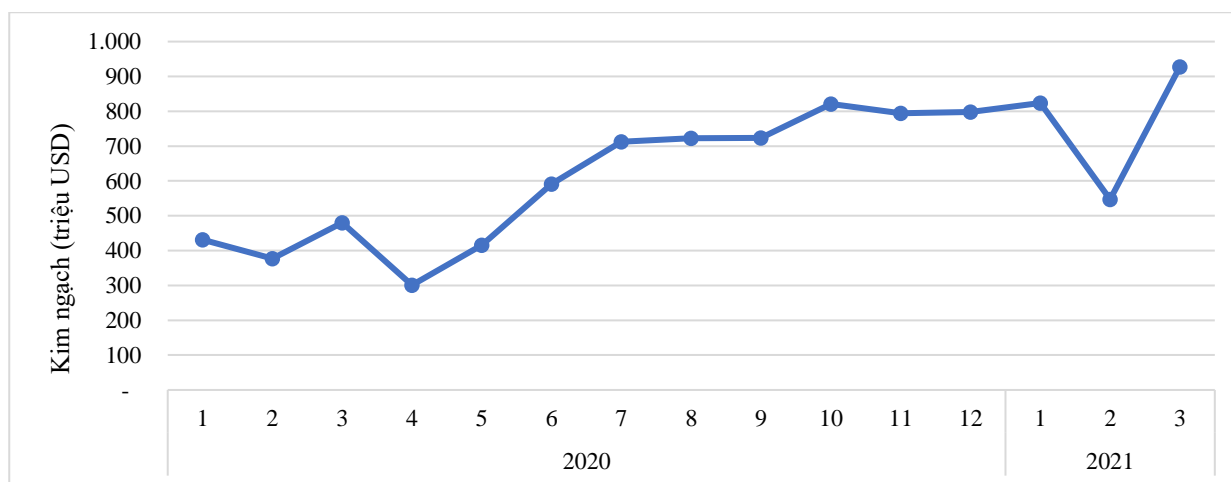
Tháng 3 năm 2021, Top 3 công ty có giá trị xuất khẩu lớn sang thị trường Mỹ là: Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng, chiếm 12,1% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn chiếm 7,6%; Công ty TNHH thủy sản Biển Đông chiếm 7,2%.

7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Sau tám tháng tăng trưởng liên tiếp, nhập khẩu đồ gỗ nội ngoại thất của Hoa Kỳ trong tháng 02/2021 đã giảm 18% so với tháng trước, đạt kim ngạch 1,7 tỷ USD. Nhập khẩu từ các thị trường chủ chốt như Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia, Indonesia và Ấn Độ đều giảm mạnh tới 20% so với tháng trước. Tuy nhiên, so với cùng kỳ 2020, thị trường đồ gỗ nội ngoại thất của Hoa Kỳ có mức tăng trưởng đáng kể. Bên cạnh đó, khối lượng nhập khẩu gỗ cứng xẻ của Hoa Kỳ trong tháng 02/2021 cũng giảm 30% so với tháng 01/2021 với khối lượng 5.387 m³. Trong đó, nhập khẩu gỗ cứng xẻ từ Ecuador, Brazil và Cameroon đã giảm hơn 50%.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 03/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 927,7 triệu USD, tăng 69,6% so với tháng 02/2021 và tăng mạnh 93,4% so với cùng kỳ năm 2020.

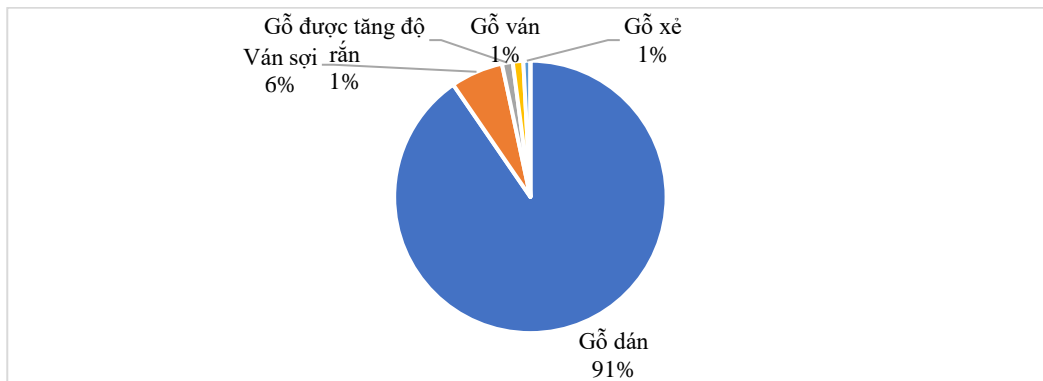
Hình 17. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 42,8 triệu USD, chiếm 90,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 3,1 triệu USD, chiếm 6,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 1,3% và 1,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 18. Gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu Hoa Kỳ tháng 03/2021



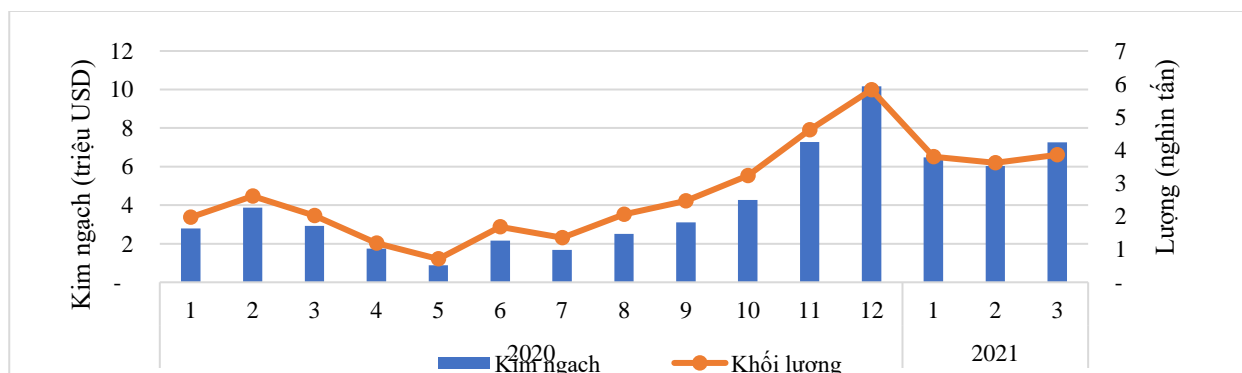
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ, Công ty TNHH MTV Gỗ Khang Đạt và Công ty Cổ phần Ván Sàn Kim Tín. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 20,4%, 9,5% và 5,7% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 03/2021.

8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 03/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 3,9 nghìn tấn với trị giá 7,3 triệu USD, tăng 6,8% về khối lượng và 20,5% về giá trị so với tháng trước, và tăng 91,2% về khối lượng và 148,0% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

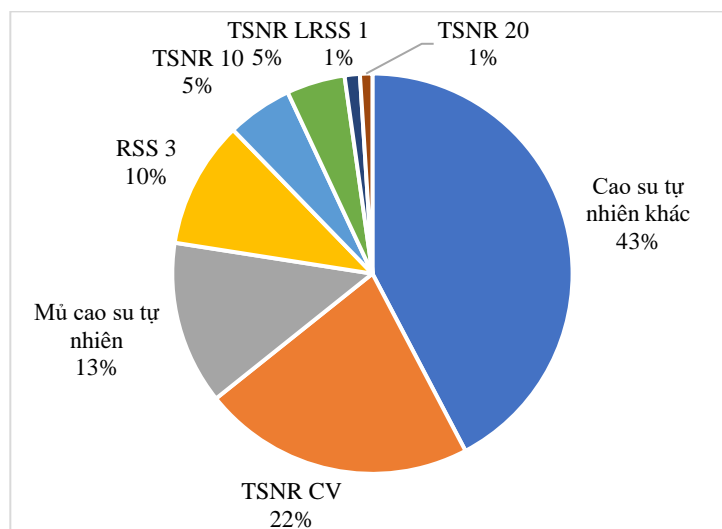
Hình 19. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2021, cao su tự nhiên đã định chuẩn về kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1,6 triệu USD, chiếm 22,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 950,5 nghìn USD, chiếm 13,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là tám cao su xông khói RSS 3 và TSNR 10, chiếm lần lượt 10,3% và 5,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

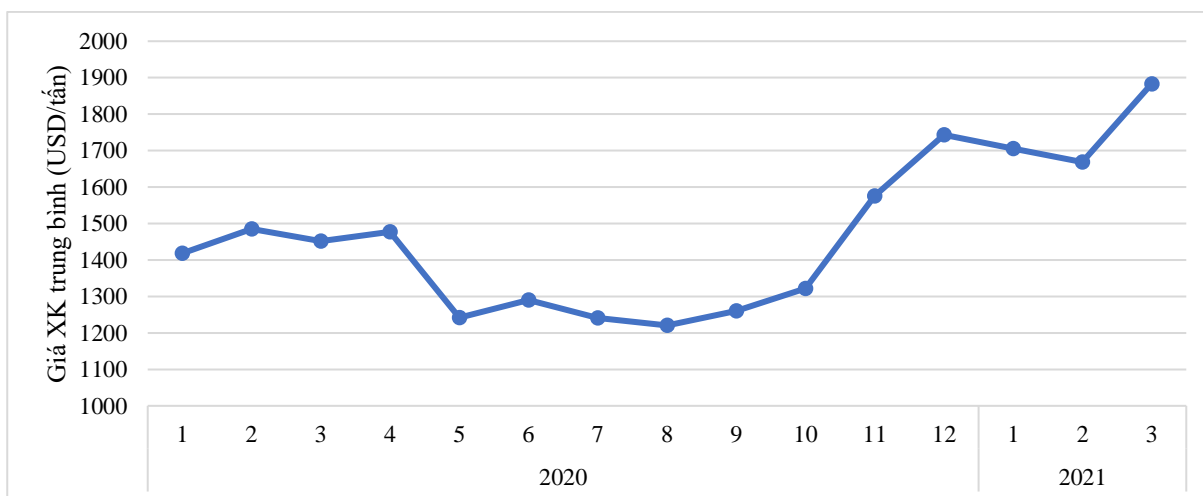
Hình 20. Cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 03/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tăng mạnh trong tháng 03/2021 đạt mức 1.883 USD/tấn, tăng 12,8% so với tháng trước, và tăng 29,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 21. Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoa Sen Vàng, Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh và Công ty TNHH Mai Thảo. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 13,4%, 10,3% và 8,7% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 03/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Theo USDA, trong tháng 4/2021, bang Texas đã bắt đầu xuống giống tuy nhiên tiến độ chậm hơn so với năm ngoái khi hiện mới chỉ gieo trồng được khoảng 70% diện tích, thấp hơn so với mức 90% của cùng kỳ năm ngoái. Ước tính việc gieo trồng có thể hoàn thành trong vòng tháng 5/2021 nếu không có sự bất lợi bất thường nào về thời tiết diễn ra. Tình trạng gieo trồng với tiến độ chậm cũng diễn ra tương tự ở khu vực đồng bằng Mississippi (gồm Louisiana và Arkansas), tuy nhiên dự kiến việc gieo trồng sẽ sớm được đẩy mạnh trở lại cho đến tháng 5/2021. Trong vài tháng tới có thể sự chậm trễ trên có thể ảnh hưởng đến cân bằng nguồn cung vào khoảng tháng 8-9/2021 khi vụ thu hoạch bắt đầu.

2. Cà phê

Theo dự báo của USDA ra vào tháng 12/2020, tiêu thụ nội địa của Hoa Kỳ niên vụ 2020/2021 vào khoảng 26.587 nghìn bao, tăng 2,14% so với niên vụ 2019/2020, nhập khẩu dự kiến 27.150 nghìn bao, tăng 8,38% so với niên vụ trước. Số liệu tăng trưởng của Mỹ cho thấy nền kinh tế Hoa Kỳ đã tăng trưởng 1,6% trong quý I/2021, được thúc đẩy bởi việc tiêm chủng COVID-19 trên diện rộng và gói kích thích chi tiêu quy mô lớn, các . Thị trường Trung tâm Dự báo Khí hậu Mỹ, hiện tượng thời tiết La Nina đang giảm dần và sẽ biến mất trong vài tháng tới. Điều này đồng nghĩa với lượng mưa gia tăng và sẽ không còn cơ hội để hình thành sương giá ở những vùng cà phê chính của Brasil trong ba tháng mùa đông sắp tới (tức là mùa hè ở Bắc Bán cầu. Như vậy, sản lượng cà phê của Brasil sẽ tăng trong niên vụ tới, càng làm tăng nguy cơ thừa cung có thể khiến giá cà phê kỳ hạn giảm. Tuy nhiên, chi phí xuất khẩu tăng cao tiếp tục gây trở ngại đến việc xuất khẩu cà phê sang thị trường Hoa Kỳ.

3. Hồ tiêu

Hoa Kỳ vẫn là thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của hồ tiêu thế giới (chỉ sau Trung Quốc). Dự báo, xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường này tháng 4 vẫn giữ được đà tăng trưởng ổn định nhưng chưa có nhiều đột biến d chi phí đầu vào như logistics tăng cao. Từ tháng 8/2020 cước vận chuyển bắt đầu tăng do hậu quả từ Covid-19. Giá được dự báo giảm trong tháng 3 và đã giảm nhẹ nhưng tháng 4 lại tăng mạnh và nâng lên ở mức giá mới. Giá cước từ Việt Nam/Indonesia đi các cảng chính của châu Âu: 4.000 USD/20ft và 8.000 USD/40ft.

4. Thủy sản

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ vẫn ghi nhận những tín hiệu khả quan trong những tháng gần đây và vẫn duy trì trong tháng tới. Thị trường Mỹ sẽ vẫn tác động tích cực đến kết quả xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong những tháng tới, duy trì tăng trưởng dương khả quan như trong năm 2020 và những tháng đầu năm. Tuy nhiên, xuất khẩu tôm sang thị trường này có thể không duy trì được tăng trưởng mạnh như năm qua, nhưng xuất khẩu cá tra đang có chiều hướng tốt hơn.

Bên cạnh đó, dịch Covid đang bùng phát mạnh tại Ấn Độ, đây là cơ hội tốt cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam tăng khả năng cạnh tranh và thị phần ở thị trường này.

5. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Theo dự báo của Hiệp hội Ngân hàng Thẻ chấp Mỹ (MBA), năm 2021 thị trường nhà ở gia đình tại Mỹ đạt khoảng 1.134.000 ngôi nhà, năm 2023 đạt 1.210.000 ngôi nhà. Thị trường nhà ở Mỹ tăng trưởng mạnh, kéo theo nhu cầu về đồ nội thất tăng. Đây là cơ hội lớn cho các thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ, trong đó có Việt Nam

6. Cao su

Bên cạnh việc đóng cửa nhà máy do đại dịch và tình trạng thiếu chip, ngành công nghiệp sản xuất ô tô toàn cầu còn phải đối mặt với tình trạng cạn kiệt nguồn cung cao su. Nguồn cung cao su toàn cầu bị ảnh hưởng do tình trạng thiếu container vận chuyển quay trở lại, việc Trung Quốc tăng cường dự trữ và dịch bệnh hoành hành cũng ảnh hưởng đến sản lượng cao su cung cấp ra thị trường. Điều này dẫn tới tình trạng giá cao su thế giới đang trên đà tăng cao. Dự báo nhu cầu cao su của Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tăng trong những tháng tới.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 3/2021

| TT | Sản phẩm | Tháng 03/ 2021 (USD) | Tăng /giảm so T2/2021 | Tăng /giảm so T3/2020 | Tỷ trọng |
|---------------------|--------------------------------|-------------------------|-----------------------------|--------------------------------|----------------|
| 1 | Cà phê | 23.894.768 | 22,65% | 4,80% | 1,85% |
| 2 | Cao su | 7.265.474 | 20,53% | 147,99% | 0,56% |
| 3 | Chè | 686.407 | 14,41% | -22,63% | 0,05% |
| 4 | Gạo | 1.360.719 | 23,24% | 18,10% | 0,11% |
| 5 | Gỗ và sản phẩm gỗ | 927.705.728 | 69,58% | 93,37% | 71,96% |
| 6 | Hàng rau quả | 13.275.089 | 29,58% | -0,47% | 1,03% |
| 7 | Hàng thủy sản | 146.001.274 | 83,89% | 36,49% | 11,33% |
| 8 | Hạt điều | 70.962.609 | 108,67% | -40,23% | 5,50% |
| 9 | Hạt tiêu | 21.252.590 | 82,71% | 46,86% | 1,65% |
| 10 | Sản phẩm mây, tre, cói và thảm | 29.453.028 | 31,83% | 129,90% | 2,28% |
| 11 | Sản phẩm từ cao su | 37.801.181 | 76,69% | 98,45% | 2,93% |
| 12 | Thức ăn gia súc và nguyên liệu | 9.449.135 | 122,17% | 44,15% | 0,73% |
| Tổng XK NLTS | | 1.289.108.002 | 70,17% | 61,25% | 100,00% |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 03/2021

| TT | Loại sản phẩm | Tháng 03/2020 | | Tháng 03/2021 | | So sánh 2021/2020 (%) | |
|----|-------------------|------------------|---------------|------------------|---------------|-----------------------|---------|
| | | Khối lượng (tấn) | Giá trị (USD) | Khối lượng (tấn) | Giá trị (USD) | Khối lượng | Giá trị |
| 1 | Gạo thơm | 1.057 | 755.002 | 1.316 | 1.035.122 | 24,5% | 37,1% |
| 2 | Gạo trắng | 615 | 288.224 | 433 | 208.909 | -29,5% | -27,5% |
| 3 | Gạo đỏ | 5 | 5.783 | 105 | 66.085 | 1980,9% | 1042,7% |
| 4 | Các loại gạo khác | 128 | 103.117 | 64 | 50.604 | -50,0% | -50,9% |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 3/2021

| TT | Sản phẩm | Tháng 3/2020 | Tháng 3/2021 | So sánh |
|----|--------------|--------------|--------------|-----------------|
| | | (USD) | (USD) | T3.2021/T3.2020 |
| 1 | Dừa | 862.405 | 1.936.479 | 124,5% |
| 2 | Thanh long | 1.836.533 | 1.450.132 | -21,0% |
| 3 | Xoài | 671.104 | 1.240.255 | 84,8% |
| 4 | Dứa | 1.035.116 | 692.466 | -33,1% |
| 5 | Chanh | 800.311 | 619.640 | -22,6% |
| 6 | Nấm các loại | 212.995 | 595.678 | 179,7% |
| 7 | Vú sữa | 83.869 | 358.836 | 327,9% |
| 8 | Chôm chôm | 187.678 | 97.370 | -48,1% |
| 9 | Nhãn | 593.443 | 93.240 | -84,3% |
| 10 | Vải | 23.569 | 6.442 | -72,7% |
| 11 | Khác | 7.030.571 | 6.184.551 | -12,0% |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 3/2021

| TT | Sản phẩm | Tháng 3/2020 | Tháng 3/2021 | So sánh |
|----|--|--------------|--------------|-----------------|
| | | (USD) | (USD) | T3.2021/T3.2020 |
| 1 | Chưa rang, chưa khử caffein | - | 20.006.785 | 18,26% |
| 2 | Chưa rang, đã khử caffein | 701.882 | 319.853 | -46,67% |
| 3 | Đã rang, chưa khử caffein | 1.030 | 231 | -73,75% |
| 4 | Đã rang, đã khử caffein | 987.874 | 1.126.239 | 33,42% |
| 5 | Chiết xuất, tinh chất và cô đặc | 3.487.171 | 1.452.338 | -51,26% |
| 6 | Chế phẩm chiết xuất, tinh chất hoặc cô đặc | 1.703.161 | 976.874 | -32,88% |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 3/2021

| TT | Sản phẩm | Tháng 3/2020 | Tháng 3/2021 | So sánh |
|----|------------------|--------------|--------------|-----------------|
| | | (Tr.USD) | (Tr.USD) | T3.2021/T3.2020 |
| 1 | Cá da trơn | 23,12 | 29,00 | 25,4% |
| 2 | Cá ngừ | 23,24 | 32,79 | 35,5% |
| 3 | Cá rô phi | 0,35 | 0,13 | -64,4% |
| 4 | Cua, ghe | 4,44 | 3,56 | -19,9% |
| 5 | Mực và bạch tuộc | 0,79 | 1,00 | 47,5% |
| 6 | Tôm | 41,69 | 61,47 | 47,5% |
| 7 | Thủy sản khác | 13,34 | 18,06 | 45,2% |

Nguồn: Tổng cục Hải quan